

Bản án số: **19/2020/HS-PT.**
Ngày 10-02-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Hữu

Các Thẩm phán: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Bà Tôn Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Ông Đào Tiên Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 03 và ngày 10 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2019/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo Văn Tuấn K, Văn T do có kháng cáo của bị cáo K đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Văn Tuấn K** (Tên gọi khác: T); Sinh năm 1989 tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn T, sinh năm 1965 và bà NLC1, sinh năm 1960; Anh, chị, em ruột có 02 người, lớn sinh năm 1985, nhỏ là bị cáo; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2017 cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

2. **Văn T**; Sinh năm 1965 tại huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Văn H, sinh năm 1940 và bà Võ Thị B, sinh năm 1940; Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn sinh năm 1961, nhỏ là bị cáo; Có vợ là NLC1, sinh năm 1960 và có 02 người, lớn sinh năm 1985, nhỏ sinh năm 1989; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/3/2019 cho đến nay. (Bị cáo có mặt)

- Người bào chữa cho các bị cáo: Ông Bùi Khắc T - Luật sư Công ty Luật

TNHH BKT thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Số A Đ, phường B, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. (có mặt)

- Bị hại:

1. Ông Ngô Trường A, sinh năm 1985. Nơi cư trú: Số 92, tỉnh lộ 934, Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn)

2. Ông Triệu Vũ S, sinh năm 1963. Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt, có đơn)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1959. Nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- Người làm chứng:

1. Bà NLC1, sinh năm 1960; (có mặt)

2. Ông NLC2, sinh năm 1985; (vắng mặt)

3. Ông NLC3, sinh năm 1975; (có mặt)

4. Ông NLC4, sinh năm 1970; (vắng mặt)

5. Bà NLC5, sinh năm 1989; (vắng mặt, có đơn)

6. Bà NLC6, sinh năm 1962; (vắng mặt, có đơn)

7. Ông NLC7, sinh năm 1960; (vắng mặt)

8. Bà NLC8, sinh năm 1939; (vắng mặt)

9. Bà NLC9, sinh năm 1970; (vắng mặt)

10. Bà NLC10, sinh năm 1979. (vắng mặt, có đơn)

Cùng nơi cư trú: Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình bà NLC6, ông Triệu Vũ S (*em ruột bà NLC6*) với gia đình bà NLC1 ở liền kề với nhau tại Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng và có mâu thuẫn trong sinh hoạt. Vào khoảng 06 giờ ngày 05/02/2017 Ngô Trường A là con rể NLC6 từ trong nhà NLC6 kéo xe đẩy đi qua bên lộ đối diện, cùng lúc Văn Tuấn K là con ruột NLC1 cũng từ nhà đi qua bên lộ đối diện để lấy xe mô tô đi làm. Khi thấy K, A đi lại hỏi “*ngày hôm qua mày chửi vợ tao cái gì*”, K trả lời “*chuyện xảy ra rồi nói gì nữa*” thì giữa A và K xảy ra cự cãi, lúc này K có dùng tay đánh trúng vào vùng mặt của A một cái, sau đó A và K dùng tay đánh qua lại với nhau.

Từ phía bên lộ đối diện nhìn qua thấy A và K đánh nhau nên phía bên gia đình của A có NLC5 (*vợ của A*), Triệu Vũ S (*cậu vợ của A*) và bà NLC6 (*mẹ vợ của A*) từ bên nhà chạy qua chỗ A và K đánh nhau, lúc đi thì NLQ6 có

cầm trên tay một miếng ván gỗ (*loại ván ép màu xanh*). Cùng lúc này phía bên gia đình của K cũng nhìn qua bên lộ đối diện thấy đánh nhau nên bà NLC1 (*mẹ ruột K*), Văn T (*cha ruột K*) và NLC2 (*anh ruột K*) cũng từ bên nhà chạy qua chỗ A và K đánh nhau. Sau đó tất cả những người này dùng tay xô xát, giằng co, nắm kéo nhau được một lúc thì nghỉ, hai bên bỏ về nhà và thời điểm này không có ai bị thương tích gì. Khi về thì A, NLC5, NLC6 đi về trước, riêng S vẫn còn ở bên lộ đối diện.

Về đến nhà của bà NLC6, A cầm trên tay một cây búa đầu, NLC6 cầm trên tay một cây lau nhà, NLC5 không cầm hung khí gì, tất cả đi qua, đi lại trước cửa nhà. Lúc này những người bên gia đình của K, gồm K cầm trên tay một khúc cây kim loại (*hình hộp chữ nhật*), NLC2 cầm trên tay một khúc cây tre; riêng T, NLC6, NLC3 (*cậu ruột K*), NLC4 (*cậu ruột K*) và Nguyễn Thị Hồng V (*dì ruột K*) không cầm hung khí gì, tất cả lần lượt đi qua trước cửa nhà bà NLC6. Sau đó các thành viên nói trên của hai bên gia đình tiếp tục cự cãi, tiếp tục xô xát qua lại với nhau, bị lấn át nên phía bên A (A, NLC5, NLC6) phải dạt vào trong nhà. Thấy vậy S từ bên lộ cầm miếng ván gỗ của bà NLC6 đem qua lúc đầu chạy về bỏ dưới lộ nhựa trước nhà bà NLC6 để đi vào trong nhà lấy hung khí khác. Khi đó Văn T đã lượm miếng ván gỗ này cầm trên tay rồi đi vào trong nhà của ông Sơn đứng trước cửa tiệm tạp hóa.

Từ trong nhà của mình, S cầm một khúc cây kim loại trên tay chạy ra đứng dưới lộ nhựa trước cửa thì phía bên gia đình của K kéo qua chỗ ông S đang đứng. S hai tay cầm khúc cây kim loại đưa lên và nói “*tao không sợ mày đâu*” thì bị K cầm khúc cây kim loại đánh một cái trúng vào khúc cây kim loại của ông S trượt trượt vào tay phải của ông S làm cho khúc cây kim loại ông S đang cầm trên tay bị rớt xuống đất, ông S bị thụt lùi về sau và té ngửa trước cửa tiệm tạp hóa, khi đó T đang đứng ở gần đó cầm miếng ván gỗ đưa lên đánh trúng vào vùng đầu của ông S liên tiếp hai cái làm cho miếng ván gỗ bị gãy làm hai rớt xuống đất. Lúc này A, NLC5, NLC6 từ bên nhà bà NLC6 chạy qua chỗ ông S để hỗ trợ ông S thì NLC2 cầm khúc cây tre cũng nhào vô nhưng được NLC5 can ngăn nên NLC2 chỉ đánh trúng bà NLC6 một cái (*không gây ra thương tích*), NLC4 nhào vô dùng tay đánh trúng vào cánh tay trái của ông S hai cái (*không gây ra thương tích*) và đánh trúng vào vùng vai của ông A một cái (*không gây ra thương tích*), còn NLC2 cũng lượm khúc cây kim loại của ông S đã bị rớt khi bị K đánh nhào vô nhưng được mọi người can ngăn, kéo ra nên không đánh trúng ai.

Sau khi xô xát đánh nhau tại nhà của ông S, A từ nhà ông S đi về đứng trên hàng ba nhà bà NLC6 thì bị K cầm khúc cây kim loại chồm tới đánh trúng vào vùng đầu A một cái. Sau đó được can ngăn những người bên gia đình của K bỏ về. Trước khi về bà Nguyễn Thị Hồng V còn dùng tay xô đổ một số đồ tạp hóa của ông S. Sau đó A đi vào trong nhà bà NLC6 lấy ra một cây dao cầm trên tay để thủ cho đến khi Cơ quan Công an đến. Toàn bộ diễn biến sự việc xô xát đánh nhau tại nhà của ông S, bà NLC6 được camera của gia đình ông S, bà NLC6 ghi nhận lại, chép vào USB và đĩa nhựa giao nộp cho Cơ quan Công an huyện M. Hậu quả, Triệu Vũ S và Ngô Trường A bị

thương phải điều trị tại Bệnh viện đa khoa Sóc Trăng từ ngày 05/02/2017 đến ngày 13/02/2017 thì xuất viện.

Đối với bà NLC1, vào ngày 06/02/2017 có đi chụp X.Quang tại phòng khám tư và phát hiện bị gãy xương mu trái nhưng bà Quang không có nằm viện điều trị. Sau đó, vào ngày 10/02/2017 bà NLC1 đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng nhập viện điều trị đến ngày 17/02/2017 xuất viện.

Trong ngày 05/02/2017 tiếp nhận tin báo về tội phạm của NLC5, Công an thị trấn Mỹ Xuyên đã tiến hành lập biên bản về tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm và chuyển cho Công an huyện M xử lý tin báo về tội phạm. Đến ngày 19/7/2017, ông Triệu Vũ S và Ngô Trường A có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Văn T và Văn Tuấn K.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 57/TgT-PY, ngày 22/3/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng đã kết luận: Triệu Vũ S bị tổn thương cơ thể 11% ở ngón 1 bàn tay phải và 03% ở vùng đỉnh trán phải. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%. Các tổn thương do vật tày gây ra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 56/TgT-PY, ngày 22/3/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng đã kết luận: Ngô Trường A bị tổn thương cơ thể 08% ở vùng đỉnh trái. Tổn thương do vật tày gây ra.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 137/TgT-PY, ngày 14/7/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng đã kết luận: NLC1 bị tổn thương cơ thể 16% gãy ngành ngồi mu trái do ngã ngồi nên gãy, không xác định được vật gây thương tích. Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 101/TgT, ngày 20/6/2019 của Viện pháp y quốc gia Phân viện thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tổn thương gãy xương mu trái của bà NLC1 là do vật tày tác động vào vùng xương mu trái gây nên. Theo phim X-Quang ngày 06/02/2017 xác định bà NLC1 bị gãy xương mu trái, gãy xương này thể hiện đang can xương trên phim, đây là tổn thương cũ xảy ra trước ngày 05/02/2017.

Tại Bản kết luận giám định số: 1390/C54B, ngày 02/4/2018 của Phân viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Miếng gỗ (*loại ván ép màu xanh*) là hung khí nguy hiểm.

Tại Bản kết luận giám định số: 1392/C54B, ngày 23/5/2018 của Phân viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa các tập tin hình ảnh (Video) trong USB và đĩa nhựa gửi giám định.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Văn Tuấn K và bị cáo Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

2. Căn cứ điểm đ Khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 33, Điều 53 Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị

quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14.

- Xử phạt bị cáo Văn Tuấn K 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Văn T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Văn Tuấn K và bị cáo Văn T liên đới bồi thường cho ông Triệu Vũ S số tiền 12.486.446 đồng. Buộc bị cáo Văn Tuấn K bồi thường cho ông Ngô Trường A số tiền 8.693.227 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

* Ngày 07/11/2019, bị cáo Văn Tuấn K và bị cáo Văn T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm để minh oan cho các bị cáo vì cấp sơ thẩm xem xét đánh giá chứng cứ không khách quan, toàn diện, chính xác và đầy đủ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Văn Tuấn K thay đổi một phần kháng cáo là thừa nhận ngày 05/02/2017 tại Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị cáo có dùng thanh sắt đánh trúng vào đầu gây thương tích cho bị hại Ngô Trường A và khi bị hại Triệu Vũ S dùng cây tuýp sắt đánh bị cáo thì bị cáo có dùng cây sắt đánh lại trúng vào cây sắt của bị hại Sơn nhưng không có đánh trúng vào tay của bị hại Triệu Vũ S và thương tích ở tay của bị hại S không phải do bị cáo gây ra vì sau khi ẩu đã với nhau 04-05 ngày sau bị cáo mới nghe nói bị hại S bị gãy ngón tay, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục toàn bộ phần trách nhiệm dân sự cho bị cáo Ngô Trường A với số tiền 8.693.227 đồng theo bản án sơ thẩm, bị cáo và bị cáo T cũng đã khắc phục cho bị hại S 10.000.000 đồng. Từ đó bị cáo xin được giảm án và được hưởng án treo.

- Bị cáo Văn T thừa nhận có dùng miếng ván ép đánh vào đầu gây thương tích cho bị hại Triệu Vũ S; Về phần trách nhiệm dân sự sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo và bị cáo Khải đã nộp cho Chi cục thi hành án huyện M số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại S nên bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Văn Tuấn K và chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Văn T sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm án cho bị cáo Khải từ

06-09 tháng tù; giảm án cho bị cáo Văn T 03 tháng tù và cho bị cáo T được hưởng án treo.

- Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Văn Tuấn K và bị cáo Văn T trình bày:

+ Đối với bị cáo Văn T: Về tội danh thống nhất với án sơ thẩm là bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); về khung hình phạt bị cáo chỉ gây thương tích cho bị hại S 03% bằng miếng ván ép là hung khí nguy hiểm nên bị cáo chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo và cùng với bị cáo K khắc phục được cho bị hại S 10.000.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo phạm tội do tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của nạn nhân; trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án, tiền sự theo quy định tại điểm b, đ, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đối với bị cáo Thành có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, đ, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Văn T giảm án cho bị cáo và cho bị cáo T được hưởng án treo.

+ Đối với bị cáo Văn Tuấn K: Về tội danh tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Văn Tuấn K thừa nhận thương tích 08% của bị hại Ngô Trường A là do bị cáo gây ra nên thống nhất với cấp sơ thẩm là bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Đối với thương tích 11% ở ngón 1 bàn tay phải của bị hại S thì bị cáo K không thừa nhận do bị cáo gây ra vì bị cáo chỉ đánh trúng vào cây sắt của bị hại S, theo chứng cứ có trong hồ sơ thì không đủ căn cứ kết luận bị cáo K gây ra vết thương ở bàn tay phải của bị hại Sơn nên bị cáo chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo K cũng đã thành khẩn khai báo, bị cáo khắc phục toàn bộ phần trách nhiệm dân sự cho bị hại A và cùng với bị cáo T khắc phục được cho bị hại S 10.000.000 đồng, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo phạm tội do tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của nạn nhân, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt không có tiền án tiền sự theo quy định tại điểm b, đ, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Đối với bị cáo K có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ

luật Tố tụng hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, đ, p, h khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Văn Tuấn K giảm án cho bị cáo và cho bị cáo K được hưởng án treo.

+ Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm kiến nghị xử lý về hành vi gây rối trật tự công cộng đối với những người trong phía gia đình bị hại. Kiến nghị cơ quan điều tra xem xét lại hành vi gây thương tích đối với bà NLC1 nhằm không bỏ lọt tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét Đơn kháng cáo của bị cáo Văn Tuấn K và Văn T lập và nộp cho Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 07/11/2019 là đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định của các điều 331, 332 và 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Văn T và bị cáo Văn Tuấn K thay đổi kháng cáo thành xin giảm án và hưởng án treo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Văn T và Văn Tuấn K về việc xin giảm án và xin hưởng án treo.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Văn Tuấn K và Văn T như sau:

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo Văn T thừa nhận vào khoảng 07 giờ ngày 05/02/2017, tại Ấp T, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng bị cáo Văn T có dùng miếng ván ép đánh vào đầu bị hại Triệu Vũ S; bị cáo Văn Tuấn K thừa nhận cũng vào thời gian và tại địa điểm nêu trên khi bị hại S dùng ống tuýp sắt đánh bị cáo thì bị cáo có dùng thanh sắt đánh lại ông S trúng vào ống tuýp sắt ông S đang cầm, sau đó bị cáo có dùng thanh sắt đánh trúng đầu của bị hại Ngô Trường A.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 57/TgT-PY, ngày 22/3/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng đã kết luận: Triệu Vũ S bị tổn thương cơ thể 11% ở ngón 1 bàn tay phải và 03% ở vùng đỉnh trán phải. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%. Các tổn thương do vật tày gây ra.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 56/TgT-PY, ngày 22/3/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Sóc Trăng đã kết luận: Ngô Trường A bị tổn thương cơ thể 08% ở vùng đỉnh trái. Tổn thương do vật tày gây ra.

Tại Bản kết luận giám định số: 1390/C54B, ngày 02/4/2018 của Phân viện Khoa học hình sự, Bộ Công an tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Miếng gỗ (loại ván ép màu xanh) là hung khí nguy hiểm.

Lời thừa nhận của bị cáo Thành về việc gây thương tích cho bị hại Triệu Vũ S và phần lời thừa nhận tội của bị cáo Văn Tuấn K về thương tích của bị hại Ngô Trường A tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng và phù hợp các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Văn Tuấn K cho rằng thương tích 11% ở bàn tay phải của bị hại S là không phải do bị cáo gây ra. Xét thấy, bị cáo thừa nhận khi bị hại S dùng ống tuýp sắt đánh bị cáo thì bị cáo có dùng thanh sắt đánh lại trúng vào cây tuýp sắt do bị hại Sơn đang cầm, làm ống tuýp sắt của bị hại S rớt xuống đất và bị hại Sơn té ngã về phía sau; tại phiên tòa hôm nay bị cáo cũng cho rằng không thấy ai khác đánh vào tay của bị hại S và sau khi đánh nhau không thấy tay của bị hại S bị thương và 03-04 ngày sau thì mới nghe nói bị hại S bị thương ở tay. Tuy nhiên, căn cứ vào hồ sơ bệnh án của bị hại S do Bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng lập thể hiện bị hại S nhập viện lúc 10 giờ 33 phút ngày 05/02/2017, xuất viện lúc 9 giờ 28 phút ngày 13/02/2017; tình trạng bệnh khi vào viện là vết thương ở đầu, gãy đốt 1 ngón 1 tay phải. Từ đó cho thấy bị cáo K có dùng thanh sắt đánh vào ống tuýp sắt bị hại S đang cầm, ngoài ra không có người nào khác đánh vào vùng tay của bị hại S, thương tích ở tay của bị hại S là liền sau khi bị cáo K đánh vào ống tuýp sắt do bị hại S đang cầm, nên có căn cứ xác định thương tích 11% ở bàn tay phải của bị hại S là bị cáo K gây ra. Bị cáo K và bị cáo T cùng gây thương thương tích cho bị hại S tổng cộng là 14% nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung với vai trò đồng phạm. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm kết luận bị cáo Văn T và Văn Tuấn K phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Văn Tuấn K: Khi xét xử sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội và không khắc phục phần trách nhiệm dân sự nên khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng và đầy đủ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo có nộp cho Chi cục thi hành án huyện M số tiền 8.693.227 đồng khắc phục cho bị hại A; bị cáo K cùng với bị cáo Văn T nộp cho Chi cục Thi hành án huyện M 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại Triệu Vũ S; ngoài ra, trong vụ án này nguyên do dẫn đến việc đánh nhau là xuất phát từ phía các bị hại nên bị hại cũng có một phần lỗi, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung các tình tiết giảm nhẹ này và chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo Văn Tuấn K là phù hợp quy định pháp luật, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm cho toàn xã hội.

[4] Xét về kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Văn Tuấn K: Xét điều kiện để hưởng án treo của bị cáo K thì thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03

năm, bị cáo có nhân thân tốt, có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Căn cứ theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Văn Tuấn K không đủ điều kiện được hưởng án treo vì bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ là khắc phục hậu quả cho bị hại được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Ngoài ra, loại tội phạm “Cố ý gây thương tích” có chiều hướng gia tăng ở địa phương, cần xử lý tù giam để phòng chống tội phạm nhằm phục vụ chính trị ở địa phương nên kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo K là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo xin giảm án của bị cáo Văn T: Trong giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội và không khắc phục phần trách nhiệm dân sự nên khi lượng hình, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là đúng và đầy đủ. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo cùng với bị cáo Văn Tuấn K nộp cho Chi cục thi hành án huyện M số tiền 10.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho bị hại Triệu Vũ S; tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; trong vụ án này nguyên do dẫn đến việc đánh nhau là xuất phát từ phía các bị hại nên các bị hại cũng có một phần lỗi, đây là các tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) nên Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng bổ sung các tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và không có tình tiết tăng nặng nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xử phạt bị cáo dưới khung hình phạt; ngoài ra trong vụ án này bị hại Triệu Vũ S bị thương tích 14 % trong đó phần thương tích của bị cáo gây ra cho bị hại chỉ có 03% nên cần áp dụng Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo T. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo T, giảm một phần hình phạt cho bị cáo Văn T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Xét về kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Văn T: Xét điều kiện để hưởng án treo của bị cáo T thì thấy, bị cáo bị xử phạt tù không quá 03 năm, bị cáo có nhân thân tốt, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 46 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Văn T có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và việc

cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội là không cần thiết mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ răn đe giáo dục bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Văn T.

[7] Về phân trách nhiệm dân sự: Án sơ thẩm buộc bị cáo Văn Tuấn K và bị cáo Văn T liên đới bồi thường cho ông Triệu Vũ S số tiền 12.486.446 đồng. Buộc bị cáo Văn Tuấn K bồi thường cho ông Ngô Trường A số tiền 8.693.227 đồng. Tại phiên Tòa hôm nay các bị cáo Văn Tuấn K và bị cáo Văn T đồng ý liên đới bồi thường cho ông Triệu Vũ S số tiền 12.486.446 đồng. Bị cáo Văn Tuấn K đồng ý bồi thường cho ông Ngô Trường A số tiền 8.693.227 đồng nên buộc bị cáo Văn Tuấn K và bị cáo Văn T liên đới bồi thường cho ông Triệu Vũ S số tiền 12.486.446 đồng. Buộc bị cáo Văn Tuấn K bồi thường cho ông Ngô Trường A số tiền 8.693.227 đồng.

[8] Lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc sửa bản án sơ thẩm theo hướng giảm hình phạt cho các bị cáo Văn Tuấn K, Văn T và cho bị cáo T hưởng án treo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Lời đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Văn T về việc áp dụng cho bị cáo Thành các tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), giảm án cho bị cáo Văn T và cho bị cáo T được hưởng án treo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Lời đề nghị của vị luật sư bào chữa cho bị cáo Văn Tuấn K về việc giảm án cho bị cáo K là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Không chấp nhận lời đề nghị của vị luật sư về việc cho bị cáo Khải hưởng án treo với lý do như đã phân tích ở đoạn [4].

[12] Lời đề nghị của vị luật sư bào chữa cho rằng bị cáo Khải không gây thương tích cho bị hại S và các bị cáo K, T chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự 2015 là không có căn cứ như đã phân tích ở đoạn [2].

[13] Đối với lời đề nghị của vị luật sư bào chữa cho các bị cáo K, T về việc áp dụng cho các bị cáo K, T tình tiết giảm nhẹ như: các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo phạm tội do tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của nạn nhân theo quy định tại điểm đ, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) là không có căn cứ chấp nhận vì các bị cáo bị xét xử tại khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt từ 02 đến 06 năm tù là tội rất nghiêm trọng. Trong vụ án này phía bị hại chỉ có một phần lỗi đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) chứ chưa đủ căn cứ để áp dụng làm tình tiết giảm nhẹ là các bị cáo phạm tội do tinh thần bị kích động do hành vi trái pháp luật của nạn nhân theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

[14] Đối với đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm kiến nghị xử lý về hành vi gây rối trật tự công cộng đối với những người trong phía gia đình bị hại; Kiến nghị cơ quan điều tra xem xét lại hành vi gây thương tích đối với bà NLC1 nhằm không bỏ lọt tội của vị luật sư bào chữa cho bị cáo là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[15] Tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo Văn Tuấn K nộp cho Chi cục thi hành án huyện M theo biên lai số 000573 ngày 07/01/2020; số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo Văn Tuấn K và bị cáo Văn T đã nộp cho Chi cục thi hành án huyện M theo biên lai số 000574 ngày 07/01/2020 và số tiền 3.693.227 đồng do bị cáo Văn Tuấn K đã nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số 000576 ngày 03/02/2020 để đảm bảo thi hành án.

[16] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Văn Tuấn K, Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[17] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo Văn Tuấn K (Tịch). Không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Văn Tuấn K (Tịch).

Chấp nhận toàn bộ kháng cáo xin giảm án và xin hưởng án treo của bị cáo Văn T.

Sửa quyết định về hình phạt đối với bị cáo Văn Tuấn K (Tịch) và bị cáo Văn T của Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2019/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 20; Điều 33; Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo Văn Tuấn K (Tịch).

Xử phạt bị cáo Văn Tuấn K (T) 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 20, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); Điều 58 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH14 đối với bị cáo Văn T.

Xử phạt bị cáo Văn T 01(một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Nhưng cho bị cáo hưởng án treo thời gian thử thách là 03 năm tính từ ngày 10 tháng 02 năm 2020.

Giao bị cáo Văn T cho Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục bị cáo Thành trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự,

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009, các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Văn Tuấn K (Tịch) và bị cáo Văn T liên đới bồi thường cho ông Triệu Vũ S số tiền 12.486.446 đồng. Buộc bị cáo Văn Tuấn K (T) bồi thường cho ông Ngô Trường A số tiền 8.693.227đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và các bị hại có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng các bị cáo còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000 đồng do bị cáo Văn Tuấn K (T) nộp cho Chi cục thi hành án huyện M theo biên lai số 000573 ngày 07/01/2020; số tiền 10.000.000 đồng do bị cáo Văn Tuấn K (T) và bị cáo Văn T đã nộp cho Chi cục thi hành án huyện M theo biên lai số 000574 ngày 07/01/2020; và số tiền 3.693.227 đồng do bị cáo Văn Tuấn K (T) đã nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện M theo biên lai số 000576 ngày 03/02/2020 để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và điểm h khoản 2 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Văn Tuấn K (T) và Văn T không chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các phần khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng (01);
- TAND huyện M(02);
- VKSND huyện M(01);
- CQTHAHS- Công an M (01)
- CSĐT- Công an huyện M; (01)
- Chi cục THADS huyện M(01);
- PHSNV - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Bị cáo; BH; NBC, NLQ (06);
- PKTNV-THA - TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- CQTHAHS - Công an tỉnh Sóc Trăng (01);
- Sơ Tư pháp (01);
- Lưu HSVA, THS, THCTP (04);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Thành Hữu